

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 372/2020/DS-PT
Ngày 31-12-2020
V/v tranh chấp chia tài sản chung
và tranh chấp thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn V - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345/2020/TLPT-DS ngày 25/11/2020 về “Tranh chấp chia tài sản chung và tranh chấp thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2020/DS-ST ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 305/2020/QĐ-PT ngày 08/12/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Dương Thị K, sinh năm 1934

1.2. Bà Sử Thị M, sinh năm 1961

1.3. Bà Sử Thị N, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: Ấp An Khánh 1, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

1.4. Ông Sử Văn L, sinh năm 1958

1.5. Bà Sử Thị C, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: Ấp Hưng Quới, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

1.6. Bà Sử Thị H, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp Định Nghĩa, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Chị Trần Trúc P, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp Tân Long 2, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Sử Văn D, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp An Khánh 1, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Sử Văn T, sinh năm 1978

3.2. Bà Sử Thị C1, sinh năm 1975

3.3. Bà Lương Thị H1, sinh năm 1968

3.4. Anh Sử Lâm V, sinh năm 1988

3.5. Chị Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh năm 1996

Cùng địa chỉ: Ấp An Khánh 1, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Sử Văn T, bà Sử Thị C1: Chị Trần Trúc P, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp Tân Long 2, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lương Thị H1, anh Sử Lâm V, chị Nguyễn Thị Cẩm T1: Ông Sử Văn D, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp An Khánh 1, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Sử Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của các nguyên đơn và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn là chị Trần Trúc P trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp có từ cha mẹ cho ông Sử Văn T2 và bà Dương Thị K từ rất lâu, tổng cộng 2.800m², bao gồm thửa 1172 diện tích 2.200m² và thửa 1174 diện tích 600m². Năm 1998, hộ ông Sử Văn T2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đăng ký thay đổi ngày 29/9/2008. Ngày 25/01/2011, ông Sử Văn T2 chết không để lại di chúc. Phần đất này hiện nay ông Sử Văn D đang quản lý và sinh sống trên đất và không đồng ý chia đất cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T2. Năm 2017, do không thỏa thuận được việc chia tài sản chung và chia di sản thừa kế nên phát sinh tranh chấp.

Các đồng nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung của ông T2 là ½ diện tích đất cho bà Dương Thị K gồm toàn bộ thửa 1174 (thửa mới là 282, tờ 13 diện tích 958,8m²) và một phần thửa một phần thửa 1172 (thửa mới là 77, tờ 13 diện tích 797m²). Diện tích còn lại của ông T2 yêu cầu chia thừa kế cho các đồng thừa kế của ông T2 mỗi người nhận phần đất có diện tích khoảng 209m² gồm 50m² đất ở và 159m² đất trồng cây lâu năm. Cụ thể: Bà C nhận thửa 77a, bà H nhận thửa 77b, ông T và bà C1 nhận thửa 77c, ông L nhận thửa 77d, ông D nhận thửa 77e, bà N nhận thửa 77f, bà M nhận thửa 77g, bà K nhận thửa 77h thuộc thửa 77, tờ 13. Phần căn nhà thờ đồng ý để ông D quản lý, sử dụng. Về cây trồng trên đất những người nhận phần đất có cây trồng là dừa do gia đình ông D trồng thì đồng ý liên đới nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị.

Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Sử Văn D trình bày:

Phần đất tranh chấp là đất hương quả để thờ cúng tổ tiên, có diện tích 2.800m² bao gồm 2.200m² đất trồng cây lâu năm và thổ cư, 600m² đất thổ mộ.

Năm 2011, cha ông chết không để lại di chúc nhưng có nói cho đất các con rồi, ông L đã được cho 02 công, bà M và ông T mỗi người một nền nhà, bà H và bà C có chồng nơi khác nên không cho đất. Khi ông Sử Văn T2 chết, bà Dương Thị K và ông cũng đồng ý tách cho mỗi người 01 nền nhà ở thửa 1174. Trước đây, bà K ở chung với ông nhưng hiện nay đã ra ở với bà M. Toàn bộ đất tranh chấp hiện nay do ông đang trực tiếp quản lý, trên thửa đất 1172 hiện tại có căn nhà thờ ông cùng vợ là bà Lương Thị H1, con Sử Lâm V và con dâu Nguyễn Thị Cẩm T1 đang ở và ông trồng dừa đã cho trái cùng một số cây trồng khác. Do ông là con út nên ở căn nhà này và thờ cúng tổ tiên. Theo yêu cầu của nguyên đơn, ông không đồng ý vì đây là đất hương quả. Ông đồng ý cắt cho mỗi người 01 nền nhà theo như đã thỏa thuận hòa giải thành ở địa phương ngày 04/7/2017.

Trong quá trình tố tụng, chị Nguyễn Thị Cẩm T1 trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của ông Sử Văn D về nguồn gốc đất, quá trình quản lý sử dụng. Không đồng ý theo yêu cầu của các nguyên đơn.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện M đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2020/DS-ST ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện M đã áp dụng các Điều 649, 650, 651, 652 và Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 35, 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị K, ông Sử Văn L, bà Sử Thị M, bà Sử Thị N, bà Sử Thị H, bà Sử Thị C đối với ông Sử Văn D.

Cụ thể tuyên:

Bà Dương Thị K được nhận toàn bộ phần đất thuộc thửa 282, tờ bản đồ 13 có diện tích 958,8m² và 01 phần thửa 77 (ký hiệu 77h) tờ 13 có diện tích 797m² đất tọa lạc tại ấp An Khánh 1, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bà Sử Thị C được nhận thửa 77a, bà Sử Thị H nhận thửa 77b, ông Sử Văn T và bà Sử Thị C1 nhận thửa 77c, ông Sử Văn L nhận thửa 77d, ông Sử Văn D nhận thửa 77e, bà Sử Thị N nhận thửa 77f, bà Sử Thị M nhận thửa 77g tờ bản đồ 13 tọa lạc tại ấp An Khánh 1, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Có bản vẽ kèm theo)

Đương sự căn cứ nội dung quyết định của bản án để liên hệ cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc bà C, bà H, bà M, ông L, bà N, ông T và bà C1 liên đới có nghĩa vụ hoàn trả giá trị cây trồng cho ông Sử Văn D với số tiền 44.750.000 (Bốn mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/9/2020, bị đơn ông Sử Văn D kháng cáo bản án sơ thẩm. Nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giao ông được quản lý phần mộ 958m² của dòng họ Sử theo nguyện vọng của thân tộc.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D giữ nguyên nội dung kháng cáo, ông cho rằng phần đất tranh chấp là đất hương quả và đất thổ mộ nên không đồng ý chia, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trong trường hợp có căn cứ chia đất thì phải xem xét đền bù giá trị chuồng trại cho ông trên phần đất mà bà M, bà N được nhận.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với nội dung kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ trên thửa 282 có 04 ngôi nhà nhưng khi chia phần đất này, cấp sơ thẩm không giải quyết tài sản là nhà trên đất là chưa đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự. Cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ nguyên nhân diện tích đất tăng lên là do đâu để làm căn cứ xác định di sản thừa kế. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T, bà C1 không có yêu cầu độc lập nhưng cấp sơ thẩm chia di sản là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2020/DS-ST ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Sử Văn D; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 *“Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*. Trong vụ án này, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Sử Văn T và bà Sử Thị C1 không có yêu cầu về việc chia thừa kế nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại chia thừa kế cho những người này là vi phạm quyền tự định đoạt của đương sự.

[2] Theo sơ đồ kèm theo biên bản xem xét tại chỗ ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện M thể hiện trên phần đất thuộc thửa 282 (tờ 13) có một căn nhà vách gỗ, mái lợp lá là phần đất ông D cho thuê. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không làm rõ về việc cho thuê đất của ông D, không đưa người thuê đất vào tham gia tố tụng để đảm bảo quyền và lợi ích của người thuê đất là bỏ sót người tham gia tố tụng. Bên cạnh đó, trên đất còn có cá tài sản là nhà của bà M, ông T nhưng cấp sơ thẩm tuyên giao toàn bộ thửa đất 282 cho bà K và không giải quyết các tài sản trên đất là giải quyết chưa toàn diện vụ án.

[3] Tại biên bản đo đạc ngày 25/10/2018 (BL 89) thể hiện “Nguyên đơn, bị đơn thống nhất lấy kết quả bản đồ chính quy (bản đồ Vlap) không phải đo đạc lại. Về tư vấn các chủ đất liền kề phần đất tranh chấp thống nhất theo trụ đá đã cắm sẵn theo hiệp thương ranh đo đạc Vlap nên không yêu cầu các chủ đất liền kề ký hiệp thương ranh”. Tuy nhiên, biên bản này không có chữ ký của các đương sự, không có xác nhận của chính quyền địa phương. Đồng thời, diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1998 cho hộ ông Sử Văn T2 đối với các phần đất tranh chấp thuộc thửa 1172, 1174 (tờ 1) diện tích chỉ có 2.800m², trong khi đó diện tích đất theo kết quả đo đạc Vlap hiện nay là các thửa 282, 77 (tờ 13) có tổng diện tích là 3.511,9m², tăng lên 711,9m², nguyên nhân diện tích đất tăng chưa được cấp sơ thẩm làm rõ. Ngoài ra, cấp sơ thẩm cũng không thu thập hồ sơ đo đạc Vlap để làm cơ sở giải quyết vụ án, không làm việc với các chủ đất giáp ranh liền kề về các trụ ranh mà chỉ căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả đo đạc Vlap để giải quyết vụ án là chưa thu thập đầy đủ chứng cứ.

[4] Theo hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 22/8/2019 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện M cung cấp và sơ đồ kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện M thể hiện trên phần đất tranh chấp có 01 lối đi. Tuy nhiên, diện tích lối đi chưa được thể hiện rõ trên họa đồ, cũng như ý kiến của các bên đương sự đối với phần đất làm lối đi và cấp sơ thẩm cũng không tuyên về lối đi cho những người thừa kế nhận các phần đất bị vây bọc là chưa giải quyết toàn diện vụ án, sẽ gây khó khăn cho công tác thi hành án. Ngoài ra, việc phân chia di sản bằng hiện vật với diện tích khoảng 209.1m², loại đất CLN là chưa phù hợp với quy định tại Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2018 và Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh.

Từ những phân tích trên, xét thấy cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên phải hủy bản án, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung. Do vi phạm thủ tục tố tụng phải hủy án để xét xử lại nên cấp phúc thẩm không xem xét kháng cáo của ông D.

[5] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do bản án bị hủy nên ông Dương Văn D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2020/DS-ST ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện M xét xử vụ án “Tranh chấp chia tài sản chung và chia thừa kế” giữa nguyên đơn bà Dương Thị K, bà Sử Thị M, bà Sử Thị N, ông Sử Văn L, bà Sử Thị C, bà Sử Thị H với bị đơn ông Sử Văn D, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân

huyện M để xét xử lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại cho ông Sử Văn D số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002854 ngày 25/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng